

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2017/KDTM-ST
Ngày : 07/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLST-KDTM ngày 20/5/2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2017/QĐXXST-DS ngày 26/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 232/2017/QĐST-KDTM ngày 17/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Bê Tông X (sau đây gọi là Công ty X)

Địa chỉ: đường 1A, Khu công nghiệp X, phường A, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988. (có mặt)

- Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/12/2016).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T (gọi tắt Công ty T)

Địa chỉ: số X, đường 14, Khu phố 5, phường H, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* ông Lê Duy S – sinh năm: 1970

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty, chức vụ giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Bê Tông X và trình bày của đại diện là ông Nguyễn Ngọc T: ngày 27/5/2015 Công ty X và Công ty T đã ký kết hợp đồng kinh tế số 01.27.05.15/HĐKT-BCC-2015 về việc bán và ép cọc bê tông ly tâm PHC D500A cho Công ty T để phục vụ công trình: đầu tư xây dựng trụ sở và tổ

hợp trường quay có khán giả phục vụ sản xuất chương trình của Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng 5.925.648.300 đồng. Theo thỏa thuận Công ty T ứng trước 200.000.000 đồng. Theo hợp đồng Công ty X cung ứng hàng đúng theo yêu cầu của hợp đồng nêu trên với tổng giá trị: 6.483.027.600 đồng. Tính đến ngày 31/12/2016 Công ty T đã thanh toán cho Công ty X số tiền 4.885.741.101 đồng. Đến ngày 31/12/2016 hai bên tiến hành đối chiếu xác nhận số dư và bù trừ công nợ, xác nhận Công ty T còn nợ Công ty X số tiền 1.597.286.499 đồng. Đến nay vẫn chưa thanh toán cho Công ty X. Vì vậy Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh tính tạm tính từ ngày 03/11/2015 đến ngày 03/4/2017 với mức lãi suất 1%/tháng số tiền 271.538.705 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn Công ty X xác định số tiền hàng Công ty T phải thanh toán cho Công ty X số tiền hàng nợ là 1.597.286.499 đồng và lãi suất do chậm thanh toán: mức lãi suất Công ty X tính là 9%/năm, thời hạn tính lãi suất từ ngày 03/11/2015 thời hạn sau 30 ngày kể từ ngày suất hoá đơn cuối cùng đến ngày 03/9/2017 là 263.552.272 đồng; tổng cộng 1.860.838.771 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi suất cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Công ty T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Bê Tông X và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa; vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2017.

Quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, thể hiện là Hợp đồng số 01.27.05.15/HĐKT-BCC-2015 ngày 27/5/2015. Xét về nội dung, hình thức hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật theo Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực thi hành và hai bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng.

Phía bị đơn Công ty T không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, đánh giá các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty X buộc bị đơn Công ty T phải thanh toán cho Công ty X số tiền hàng là 1.597.286.499 đồng và lãi suất do chậm thanh toán là 263.552.272 đồng, tổng cộng là 1.860.838.771 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về tiền hàng: Căn cứ Biên bản thoả thuận bù trừ công nợ thay cho việc thanh toán bằng tiền ngày 31/12/2016 được ký kết giữa Công ty X và Công ty T theo nội dung thoả thuận đến ngày 20/12/2016 Công ty T còn nợ Công ty X số tiền 1.675.286.499 đồng, Công ty X chưa thanh toán tiền thuê xe ben tháng 10, 11, 12 cho Công ty T số tiền 78.000.000 đồng. Hai bên xác nhận cộng nợ này là đúng và đồng ý lập biên bản thoả thuận bù trừ công nợ. Sau khi bù trừ công nợ Công ty T còn phải thanh toán cho Công ty X số tiền 1.597.286.499 đồng. Ngày 02/01/2017 Công ty T có văn bản xác nhận còn nợ Công ty X số tiền nêu trên, như vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn: về việc yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định pháp luật và thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường nên có lợi cho bị đơn vì vậy mức lãi suất này được chấp nhận. Căn cứ vào hoá đơn số 0000546 ngày 03/10/2015, Công ty X yêu cầu tính tiền lãi suất sau 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn là phù hợp quy định pháp luật vì vậy yêu cầu tính tiền lãi suất từ ngày 03/11/2015 đến ngày 03/9/2017 trên số nợ gốc là 1.597.286.499 đồng, số tiền lãi là 263.552.272 đồng là có cơ sở chấp nhận;

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty X, buộc bị đơn Công ty T phải trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ là 1.597.286.499 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 263.552.272 đồng, tổng cộng là 1.860.838.771 đồng.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty T phải chịu là 67.825.163 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.;

- Căn cứ Điều 24, Điều 25, Điều 50, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Toà án năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Bê Tông X: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T phải trả cho Công ty Cổ phần Bê Tông X số tiền gốc còn nợ 1.597.286.499 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ

là 263.552.272 đồng, tổng cộng là 1.860.838.771 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Bê Tông X, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T chưa trả tiền, thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng T phải chịu 67.825.163 đồng
- Trả lại cho Công ty Cổ phần Bê Tông X tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.032.378 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng) theo biên lai số 15503 ngày 30/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án
- VKSND Q.Đ
- Chi cục Thi hành án DS Q.Đ
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo